ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 26/2010/QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH
Giao số lượng, bố trí chức danh đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức HDND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ - CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông báo số 31-TB/TU ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao số lượng, bố trí chức danh đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng, bố trí chức danh đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn cho 124 xã, phường, thị trấn là đơn vị hành chính cấp xã loại 3 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. Xã loại 3: 118 đơn vị (có danh sách kèm theo), được bố trí 21 người, cụ thể các chức danh như sau:

a) Chức danh cán bộ có 11 chức danh, 10 người đảm nhiệm:

1. Bí thư Đảng ủy;

2. Phó Bí thư Đảng ủy;

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm);

4. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

6. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

8. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

9. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

10. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;

11. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Công chức xã có 07 chức danh, 10 người đảm nhiệm:

1. Trưởng Công an;

2. Chỉ huy trưởng Quân sự;

3. Văn phòng - thống kê: 02 người;

- 01 người làm công tác Văn phòng HĐND và UBND - thống kê và thủ quỹ.

- 01 người làm công tác Văn phòng Đảng ủy - nội vụ.

4. Địa chính - xây dựng và môi trường: 02 người;

- 01 người làm công tác Địa chính - xây dựng và môi trường.

- 01 người làm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và theo dõi công tác Kế hoạch - giao thông - thủy lợi.

5. Tài chính - kế toán;

6. Tư pháp - hộ tịch;

7. Văn hoá - xã hội: 02 người.

- 01 người làm công tác Văn hóa, thông tin - thể dục, thể thao.

- 01 người làm công tác Lao động - thương binh và xã hội.

II. Thị trấn loại 3: 04 đơn vị (Phú Thái huyện Kim Thành; Tứ Kỳ huyện Tứ Kỳ; Cẩm Giàng huyện Cẩm Giàng; Kẻ Sặt huyện Bình Giang), được bố trí 21 người, cụ thể các chức danh như sau:

a) Chức danh cán bộ có 11 chức danh, 11 người đảm nhiệm:

1. Bí thư Đảng ủy;

2. Phó Bí thư Đảng ủy;

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm);

4. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

6. 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

8. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

9. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

10. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;

11. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

b) Chức danh công chức có 07 chức danh 10 người đảm nhiệm:

1. Trưởng Công an;

2. Chỉ huy trưởng Quân sự;

3. Văn phòng - thống kê: 02 người;

- 01 người làm công tác Văn phòng HĐND và UBND - thống kê và thủ quỹ.

- 01 người làm công tác Văn phòng Đảng ủy - nội vụ.

4. Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường: 02 người;

- 01 người làm công tác Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường.

- 01 người làm công tác Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và theo dõi công tác Kế hoạch - giao thông - thủy lợi.

5. Tài chính - kế toán;

6. Tư pháp - hộ tịch;

7. Văn hoá - xã hội: 02 người.

- 01 người làm công tác Văn hóa thông tin - thể dục, thể thao.

- 01 người làm công tác Lao động - thương binh và xã hội.

III. Phường loại 3: 02 đơn vị

- Phường Trần Hưng Đạo thành phố Hải Dương (không có tổ chức Hội nông dân Việt Nam), được bố trí 19 người

- Phường Bến Tắm thị xã Chí Linh (có tổ chức Hội nông dân Việt Nam), được bố trí 20 người, cụ thể các chức danh như sau:

a) Chức danh cán bộ:

1. Bí thư Đảng ủy;

2. Phó Bí thư Đảng ủy;

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm);

4. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

6. 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

8. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

9. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

10. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

11. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (đối với phường có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam).

b) Chức danh công chức có 06 chức danh, 09 người đảm nhiệm:

1. Chỉ huy trưởng Quân sự;

2. Văn phòng - thống kê 02 người;

- 01 người làm công tác Văn phòng HĐND và UBND - thống kê và thủ quỹ.

- 01 người làm công tác Văn phòng Đảng ủy - nội vụ.

3. Địa chính - xây dựng – đô thị và môi trường: 02 người;

- 01 người làm công tác Địa chính.

- 01 người làm công tác xây dựng - đô thị và môi trường.

4. Tài chính - kế toán;

5. Tư pháp - hộ tịch;

6. Văn hoá - xã hội: 02 người;

- 01 người làm công tác Văn hóa, thông tin - thể dục, thể thao.

- 01 người làm công tác Lao động - thương binh và xã hội.

Điều 2. Các xã, phường, thị trấn đã bố trí hết số lượng người theo các chức danh quy định tại Điều 1 quyết định này số lượng người còn lại ưu tiên bố trí cán bộ luân chuyển, điều động và thu hút những sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ chính quy có nguyện vọng về địa phương công tác theo quy định của tỉnh.

Đối với những xã, phường, thị trấn đã bố trí hết các chức danh theo quy định tại Nghị định 121/2003/NĐ- CP thì vẫn tiếp tục được thực hiện đến khi có người khác thay thế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2011 và thay thế Quyết định số 3131/2004/QĐ - UBND ngày 11 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định số lượng, bố trí các chức danh và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách, công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm công báo;
- Websie tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Thừa

DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LOẠI 3: 118 xã

(Ban hành kèm theo quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 16 /12/2010 của UBND tỉnh)

I. Thị xã Chí Linh: 02 xã

1. Nhân Huệ
2. Kênh Giang

II. Huyện Kinh Môn: 8 xã

1. Long Xuyên
2. Phúc Thành
3. Bạch Đằng
4. Thái Sơn
5. An Sinh
6. Phạm Mệnh
7. Hoàng Sơn
8. Tân Dân

III. Huyện Kim Thành: 09 xã

1. Lai Vu
2. Cộng Hòa
3. Thượng Vũ
4. Việt Hưng
5. Phúc Thành
6. Kim Khê
7. Bình Dân
8. Cẩm La
9. Tam Kỳ

IV. Huyện Nam Sách: 12 xã

1. Nam Hưng
2. Thái Tân
3. Hiệp Cát
4. An Sơn
5. Nam Tân
6. Nam Hồng
7. Nam Trung
8. Phú Điền
9. Thanh Quang
10. Hồng Phong
11. Nam Chính
12. Minh Tân

V. Huyện Thanh Hà: 13 xã

1. Tân An
2. Việt Hồng
3. Thanh An
4. An Lương
5. Thanh Khê
6. Thanh Xá
7. Thanh Xuân
8. Thanh Thủy
9. Hợp Đức
10. Trường Thành
11. Thanh Bính
12. Thanh Cường
13. Vĩnh Lập

VI. Thành phố Hải Dương: 03 xã

1. An Châu
2. Thượng Đạt
3. Tân Hưng

VII. Huyện Tứ Kỳ: 16 xã

1. Kỳ Sơn
2. Đại Đồng
3. Tái Sơn
4. Quang Phục
5. Bình Lãng
6. Ngọc Kỳ
7. Đông Kỳ
8. Tây Kỳ
9. Tây Kỳ
10. Tứ Xuyên
11. Phượng Kỳ
12. Cộng Lạc
13. Hà Thanh
14. Đại Hợp
15. Quảng Nghiệp
16. Dân Chủ
17. Quang Khải

VIII. Huyện Gia Lộc

1. Trùng Khánh
2. Yết Kiêu
3. Gia Hòa
4. Lê Lợi
5. Đoàn Thượng
6. Toàn Thắng
7. Tân Tiến
8. Gia Tân
9. Gia Lương
10. Gia Khánh
11. Thống Kênh
12. Đồng Quang
13. Đức Xương
14. Quang Minh
15. Nhật Tân
16. Phạm Trấn
17. Phương Hưng

IX. Huyện Cẩm Giàng : 04 xã

1. Kim Giang
2. Thạch Lỗi
3. Cẩm Sơn
4. Cẩm Đoài

X. Bình Giang : 07 xã

1. Hưng Thịnh
2. Tráng Liệt
3. Vĩnh Tuy
4. Hùng Thắng
5. Tân Việt
6. Bình Minh
7. Thái Dương

XI. Huyện Thanh Miện: 05 xã

1. Diên Hồng
2. Tiền Phong
3. Chi Lăng nam
4. Cao Thắng
5. Hùng Sơn

XII. Huyện Ninh Giang: 22 xã

1. Hồng Phong
2. Ứng Hòe
3. Ninh hải
4. Đồng Tâm
5. Hiệp Lực
6. Hoàng Hanh
7. Hồng Dức
8. Đông Xuyên
9. Hưng Thái
10. Văn Giang
11. Tân Quang
12. Hưng Long
13. Văn Hội
14. An Đức
15. Hồng Phúc
16. Ninh Thành
17. Quyết Thắng
18. Hồng Dụ
19. Quang Hưng
20. Vạn Phúc
21. Ninh hòa
22. Hồng Thái